

Số: /QĐ-UBND

Phụng Hiệp, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 7731/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2011 của UBND huyện Phụng Hiệp về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 (theo mô hình Nông thôn mới của Chính Phủ);

Căn cứ Công văn số 1658/UBND-NCT ngày 05 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc chủ trương lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Phụng Hiệp về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 1576/SXD-QH&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang về việc thỏa thuận nội dung phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tờ trình số 723/TTr-P.KT&HT ngày 08 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay, phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp. Với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

Khu đất lập quy hoạch thuộc ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp. Tứ cận dự án tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc: giáp kênh Thủy Lợi.
- Phía Đông Nam: giáp đất dân.
- Phía Tây Bắc: giáp kênh Búng Tàu, Quản lộ Phụng Hiệp – Cà Mau và đất dân.
- Phía Tây Nam: giáp kênh Chính Hạnh.

3. Quy mô diện tích: Khoảng 50ha.

4. Mục tiêu và tính chất đồ án quy hoạch:

Khu quy hoạch mang tính chất là Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp hỗn hợp nhiều ngành nghề hướng, ưu tiên là phát triển các ngành nghề có tiềm năng của địa phương, đặc biệt là phát triển các ngành công nghiệp chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến và bảo quản rau quả; xay xát và sản xuất bột; sản xuất hàng may mặc; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị điện;... sử dụng công nghệ cao, ít ảnh hưởng đến môi trường.

5. Cơ cấu quy hoạch:

Nhằm bố trí các chức năng thiết yếu cho khu dân cư mới, đảm bảo các chức năng về môi trường sống tiện nghi, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn... Đồng thời, mang lại hiệu quả về đầu tư xây dựng; Khu đất quy hoạch được phân khu chức năng gồm:

- Đất Hành chính - dịch vụ.
- Đất Nhà máy - xí nghiệp.
- Đất Cây xanh - cây xanh cách ly.
- Đất Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.
- Đất Kho tàng - bến bãi.
- Đất giao thông.
- Mặt nước.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

- Khu đất lập quy hoạch có diện tích là 500.000 m². Đất đai trong khu quy hoạch được phân chia mục đích sử dụng đất chủ yếu gồm các thành phần sau:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất hành chính - dịch vụ	25.149,4	5,03
2	Đất nhà máy - xí nghiệp	282.131,5	56,43
	Đất nhà máy - xí nghiệp (lô nhóm A, diện tích $\geq 2,0$ ha)	72.208,7	14,44
	Đất nhà máy - xí nghiệp (lô nhóm B, diện tích 1,5ha ÷ 2,0ha)	84.730,1	16,95
	Đất nhà máy - xí nghiệp (lô nhóm C, diện tích 1,0ha ÷ 1,5ha)	125.192,7	25,04
3	Đất cây xanh công viên - cây xanh cách ly	50.473,7	10,09
	Đất cây xanh công viên	8.331,2	1,67
	Đất cây xanh cách ly	42.142,5	8,43
4	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5.074,9	1,01
	Trạm xử lý nước thải tập trung	5.074,9	1,01
5	Đất kho tàng - bến bãi	11.508,7	2,30
6	Đất giao thông	115.468,0	23,09
7	Mặt nước	10.194,1	2,04
	TỔNG ĐẤT (LẤY TRÒN)	500.000	100,00

7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

7.1. Đất hành chính - dịch vụ: Được bố trí xây dựng hành chính – dịch vụ tại lô đất có ký hiệu DV1, DV2, DV3 và DV4, với diện tích là 25.149,4m².

- Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$.
- Chiều cao xây dựng công trình: $\leq 15\text{m}$.
- Mật độ cây xanh trong khuôn viên lô đất: $\geq 20\%$.
- Tầng cao xây dựng công trình 1-3 tầng.
- Chiều cao xây dựng công trình được quyết định bởi kiến trúc công trình.
- Chỉ giới xây dựng công trình: lùi vào $\geq 5\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

7.2. Đất Nhà máy - xí nghiệp: Bố trí xây dựng nhà máy, kho, xưởng chế biến... tại lô đất có ký hiệu A1, A2, A3; B1, B2, B3, B4, B5; C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8, C9, C10, với diện tích là 282.131,5m².

- Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$.
- Chiều cao xây dựng công trình: $\leq 15\text{m}$.
- Mật độ cây xanh trong khuôn viên lô đất: $\geq 20\%$.
- Tầng cao xây dựng công trình 1-3 tầng.
- Chiều cao xây dựng công trình được quyết định bởi kiến trúc công trình.
- Cao độ nền hoàn thiện nhà: $\geq 0,3\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: cách chỉ giới đường đỏ $\geq 10\text{m}$ và cách ranh lô đất tối thiểu $\geq 3\text{m}$.

7.3. Đất Cây xanh công viên - cây xanh cách ly:

Đất cây xanh trong toàn khu phải đảm bảo diện tích tỷ lệ $\geq 10\%$. Trong đó diện tích Cây xanh công viên - cây xanh cách ly bố trí tổng diện tích là 50.473,7m² (Cây xanh công viên có diện tích là 8.331,2m², cây xanh cách ly có diện tích là 42.142,5m²).

- Mật độ xây dựng: $\leq 5\%$.
- Tầng cao xây dựng: 01 tầng.

7.4. Đất kho tàng - bến bãi: Bố trí xây dựng Khu xử lý nước thải tại lô đất có ký hiệu KB, với diện tích là 11.508,7m².

- Mật độ xây dựng: $\leq 10\%$.

7.5. Đất Khu xử lý nước thải: Bố trí xây dựng Khu xử lý nước thải tại lô đất có ký hiệu XLNT, với diện tích là 5.074,9m².

- Mật độ xây dựng: $< 40\%$.
- Tầng cao xây dựng công trình: ≤ 01 tầng.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Giao thông:

a. Quy hoạch:

- Hệ thống giao thông được đầu nối vào tuyến đường Quản lộ Phụng Hiệp.
- Hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ việc đi lại cho các phương tiện giao thông đến từng lô đất một cách dễ dàng, thuận tiện.
- Chọn chiều rộng mỗi làn xe là 3,75m thuận tiện giao thông cho xe đầu kéo.
- Quy mô mặt cắt được tính toán và phân chia thành các đường như sau.

BẢNG THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)
1	Vòng xoay				25,0	16,0	3 + 6
2	Đường N1	Đ1	Đ2	1 - 1	32,0	9,0 + 2 + 9,0	6 + 6
3	Đường N2	Đ3	Đ4	2 - 2	20,0	10,0	5 + 5
4	Đường N3	Đ5	Đ6	2 - 2	20,0	10,0	5 + 5
5	Đường N4	Đ7	Đ8	3 - 3	19,0	10,0	4 + 5
6	Đường N5	Đ9	Đ10	3 - 3	19,0	10,0	4 + 5
7	Đường D1	Đ10	Đ11	2 - 2	20,0	10,0	5 + 5
8	Đường D2	Đ12	Đ13	4 - 4	17,0	8,0	4 + 5
9	Đường D3	Đ14	Đ15	4 - 4	17,0	8,0	4 + 5
10	Đường D4	Đ16	Đ17	2 - 2	20,0	10,0	5 + 5
11	Đường D5	Đ18	Đ19	5 - 5	8,0	4,0	2 + 2
12	Đường Quản lộ Phụng Hiệp	Đ20-Đ21	Đ22-Đ23		15	7,0	4 + 4

b. Các yêu cầu kỹ thuật an toàn giao thông:

- Bán kính bó vĩa tại các giao lộ: $R \geq 8m$ đối với đường nội bộ và $R \geq 12m$ đối với đường liên khu vực, đường phố cấp đô thị $\geq 15,0 m$.
- Cao độ đỉnh gờ bó vĩa: +1,95m (cao độ Nhà nước).
- Độ dốc mặt đường là 2%, Cấu tạo mặt đường thảm bê tông nhựa.
- Vĩa hè trồng cây xanh; có độ dốc 1,5%; lát gạch tự chèn.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Cao độ thiết kế san nền của khu vực là +1,8m (cao độ Nhà nước).
- Độ dốc địa hình đối với mặt phủ tự nhiên: $i \leq 0,1\%$.

8.3. Cấp điện:

a) Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho Khu quy hoạch là nguồn từ các tuyến trung thế 22kV nằm dọc theo đường Quản lộ Phụng Hiệp.

b) Lưới điện:

- Tuyến trung thế 22kV:

+ Hiện tại chưa có tuyến trung thế đi ngang khu vực lập quy hoạch, do đó cần thỏa thuận 02 vị trí đầu nối dẫn từ Quản lộ Phụng Hiệp vào dự án để cung cấp điện cho khu vực. Tuyến trung thế xây mới sẽ được đi nổi trên trụ BTLT 14m để đồng bộ với hiện trạng.

+ Chiều dài tuyến trung thế 22kV đi nổi xây mới: 413m.

+ Khoảng cách giữa các trụ BTLT là $\leq 40\text{m}$.

- Tuyến hạ thế 0,4kV:

+ Nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế tại địa phương và giảm giá thành sản phẩm đầu ra. Tuyến điện hạ thế được xây dựng mới bố trí đi nổi trên trụ BTLT 8,5m, dây dẫn sử dụng cáp LV-ABC có tiết diện phù hợp.

+ Chiều dài tuyến hạ thế 0,4kV đi nổi xây mới: 7.357m.

+ Khoảng cách giữa các trụ BTLT là $\leq 40\text{m}$.

*** Trạm biến áp:**

+ Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 22/0,4kV. Trạm hạ thế 22/0,4kV dự kiến sử dụng 02 trạm biến áp loại giàn lắp lên trụ BTLT có gia cố chịu lực và chống lún và đảm bảo mỹ quan cho toàn bộ công trình.

+ Bảo vệ trạm phía trung thế bằng máy cắt hoặc LBFCO, phía hạ thế bằng aptomat. Trạm phải được nối đất an toàn với điện trở nối đất $\leq 4\Omega$.

+ Tổng công suất trạm biến áp T1 là 4.000 kVA và T2 là 3.700 kVA (tổng công suất tính toán yêu cầu là 7.655kVA).

*** Lưới điện chiếu sáng:**

+ Hệ thống chiếu sáng được xây mới để chiếu sáng cho đường nội bộ và các lối đi trong toàn khu vực. Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống điện sinh hoạt và được điều khiển bật tắt tự động bằng các tủ điện riêng.

+ Hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo độ rọi tối thiểu trên mặt đường lớn hơn hoặc bằng 5(lux) và độ rọi trên vỉa hè lớn hơn hoặc bằng 3(lux). Khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống đèn Led tiết kiệm năng lượng có công suất từ 100÷150W chiếu sáng, nhằm đảm bảo tiết kiệm điện năng và thân thiện với môi trường.

+ Trụ đèn: Sử dụng trụ BTLT hạ thế cấp điện sinh hoạt, lắp cần đèn một bên đường hoặc hai bên đường (tùy theo các trục đường).

+ Cần đèn: Loại STKΦ 49÷60mm, cao 1÷2m, độ vươn xa 1÷2m.

+ Dây điện: Sử dụng cáp đồng bọc (Duplex) lắp cố định trên trụ BTLT cấp điện sinh hoạt.

+ Tủ điện: Điều khiển chiếu sáng tự động đóng cắt ở 02 chế độ và có thể điều chỉnh bằng tay, có đèn báo và các thiết bị đo đếm. Vị trí tủ đặt điều khiển chiếu sáng tại trạm biến áp.

+ Tiếp đất: Sử dụng 1 cọc tiếp đất $\Phi 16$ dài 2,4m kết hợp với cáp đồng trần 11mm^2 nối vỏ tủ điện, trụ đèn để bảo vệ an toàn.

+ Mỗi trụ đèn được bảo vệ bằng cầu chì tự rơi.

+ Chiều dài tuyến chiếu sáng đi nổi xây mới: 6.354m.

8.3. Cấp nước:

a) Nguồn nước:

Nguồn nước cung cấp cho dự án được lấy từ nhà máy nước thành phố Ngã Bảy kéo đến, đầu nối với tuyến ống cấp nước hiện hữu trong khu vực lân cận và kéo dài đến dự án dọc theo đường Quản lộ Phụng Hiệp, tuyến ống chính này đã được tính toán đủ áp lực và chất lượng phục vụ cho toàn khu quy hoạch.

b) Giải pháp cấp nước:

- Tuyến ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông, nằm phía trước các lô đất để thuận tiện cho việc cung cấp nước. Đặt các tuyến cấp nước theo quy hoạch và mạng cấp nước khép kín, để nước có thể cấp nước theo hai chiều.

- Tuyến ống cấp nước sử dụng ống HDPE hoặc uPVC $\Phi 60$, $\Phi 100$, $\Phi 150$.

- Trên mạng cấp nước có bố trí các trụ cứu hỏa đặt tại ngã 3, ngã 4 để thuận lợi cho việc cấp nước chữa cháy. Khoảng cách bình quân khoảng 100-150m/trụ.

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG ỐNG CẤP NƯỚC

Stt	Tên Vật tư	Đơn vị	Chiều dài
1	Ống cấp nước $\Phi 150$	m	1.504,0
2	Ống cấp nước $\Phi 100$	m	51.179,0
3	Ống cấp nước $\Phi 60$	m	724,0
4	Trụ cứu hỏa	cái	724,0
Tổng cộng		m	53.407,0

8.4. Thoát nước:

Hệ thống thoát nước được thiết kế theo hình thức thoát nước riêng hoàn toàn. Bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước sinh hoạt.

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Nước mưa được quy ước là loại nước thải sạch, nước mưa từ các công trình và mặt đường được thu vào hệ thống cống thoát nước mưa đô thị rồi xả thẳng ra các kênh Chính Hạnh và kênh Thủy Lợi.

- Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải vận hành độc lập hoàn toàn. Khu vực thiết kế được chia thành nhiều lưu vực nhỏ với tuyến ngắn để thoát nước nhanh, tiết diện nhỏ, giảm độ sâu chôn cống.

- Hình thức thoát nước mưa là nước mưa được vận chuyển trong hệ thống cống kín, bố trí dọc theo trục đường giao thông nằm dưới vỉa hè.

- Các tuyến thoát nước mưa đường phố nằm dưới vỉa hè dọc theo các trục đường giao thông sử dụng cống bê tông cốt thép đúc sẵn, các tuyến nhánh nằm trong hành lang kỹ thuật bằng mương hở xây gạch thẻ có nắp đậy bằng đan BTCT bề rộng mương 400mm thoát về cống thoát nước đường phố.

- Trên từng tuyến cống có đặt những hố ga dùng để thu nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách các hố ga $20m \div 40m$.

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

Stt	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống thoát nước mưa Ø800	m	1.876
2	Ống thoát nước mưa Ø600	m	1.026
3	Ống thoát nước mưa Ø400	m	8.907
Tổng cộng		m	11.809

b) Hệ thống thoát nước thải

- Dùng phương pháp phân chia lưu vực để tính toán cho từng đoạn ống, từng tuyến ống và cả hệ thống. Tuyến ống nhánh nằm trong hẻm kỹ thuật và các tuyến ống chính dọc theo trục đường giao thông nằm dưới vỉa hè sử dụng ống uPVC *300, *200 dọc theo đường ống bố trí các hố thăm với cự ly thích hợp đảm bảo phục vụ thoát nước sinh hoạt khoảng cách trung bình $20m \div 30m$.

- Ống dẫn nước thải sinh hoạt sử dụng ống PVC hoặc ống gang.

- Toàn bộ quy trình vận chuyển nước thải từ khu vệ sinh đến Khu xử lý phải được vận chuyển trong hệ thống ống kín. Trên từng tuyến ống có đặt những hố thăm dùng để thu nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách các hố thăm $20m \div 30m$. Nước thải sau khi xử đạt chuẩn mới xả ra Chính Hạch và kênh Thủy Lợi.

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

Stt	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống thoát nước thải uPVC (HDPE) Ø200	m	2.399,0
2	Ống thoát nước sinh hoạt uPVC (HDPE) Ø300	m	4.925,0

9. Thông tin liên lạc:

- Đầu nối dẫn từ đường Quản lộ Phụng Hiệp vào dự án để cung cấp thông tin liên lạc.

- Hệ thống thông tin nội bộ: Sẽ là một mạng cáp quang đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho khu vực.

- Hệ thống cáp truyền dẫn được đặt trên trụ điện hạ áp có gắn các tủ phân phối thông tin liên lạc (TTLL).

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng dự thảo và trình UBND huyện ban hành điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt. Tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan biết và thực hiện đúng quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện, Chủ tịch UBND xã Tân Phước Hưng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND huyện Huỳnh Văn Vũ;
- PCVP NC;
- Lưu VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Vũ